

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3608.../VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN

Bình Dương, ngày 19 tháng 9 năm 2023.

V/v cung cấp danh sách Công ty TNHH
Tư vấn Dịch vụ Thương mại & Xây
dựng Địa ốc Tân Lập đã xóa đăng ký
thể chấp bằng quyền sử dụng đất dự án
đầu tư xây dựng nhà ở tại Ngân hàng
TMCP Công Thương Việt Nam – Chi
nhánh KCN Bình Dương

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ
Tư pháp về việc hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thể chấp quyền sử dụng
đất, tài sản gắn liền với đất.

Căn cứ Văn bản số 370/BTNMT-CĐKDLTĐĐ ngày 01/02/2023 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện đăng ký thể chấp quyền sử dụng
đất, tài sản gắn liền với đất.

Nay, Văn phòng Đăng ký đất đai cung cấp danh sách chủ đầu tư đã xóa
đăng ký thể chấp bằng quyền sử dụng đất dự án đầu tư xây dựng nhà ở tại Ngân
hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương và đã được
Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận để Sở Tài nguyên và Môi trường đăng trên
Website của Sở. Cụ thể:

Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Thương mại & Xây dựng Địa ốc Tân
Lập: 22 GCN (có danh sách kèm theo)

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT.



Nguyễn Chiến Thắng

DANH SÁCH XÓA ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP
 (Đính kèm Công văn số 3552/VPPKĐDD-ĐK&CGCN ngày 10 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương)

TÀI SẢN ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP													
STT	CHỦ ĐẦU TƯ	THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH (m ²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	THÔNG TIN GIẤY CHỨNG NHẬN				ĐỊA ĐIỂM		THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ	GHI CHÚ
						SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỔ CẤP GCN	NGÀY CẤP	XÃ, PHƯỜNG	HUYỆN, THÀNH PHỐ			
1	Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Thương mại & Xây dựng Địa ốc Tân Lập	292	12	80	Đất ở tại nông thôn	CU 012390	CT48483	31/12/2019	Tân Lập	Bắc Tân Uyên	20/12/2022	Đăng ký xóa thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương theo hồ sơ số 230918-0509	
2		294		80		CU 012392	CT48485						
3		297		80		CU 012395	CT48488						
4		255		173,9		CU 012353	CT48446						
5		256		99,8		CU 012354	CT48447						
6		257		100		CU 012355	CT48448						
7		258		100		CU 012356	CT48449						
8		259		157,5		CU 012357	CT48450						
9		260		80		CU 012358	CT48451						
10		261		80		CU 012359	CT48452						
11		262		80		CU 012360	CT48453						
12		263		80		CU 012361	CT48454						
13		264		80		CU 012362	CT48455						
14		265		80		CU 012363	CT48456						
15		266		80		CU 012364	CT48457						
16		267		80		CU 012365	CT48458						
17		268		80		CU 012366	CT48459						
18		216		157,5		CS 484964	CT48407						
19		394		157,5		CU 012485	CT48587						
20		289		80		CU 012387	CT48480						
21		290		80		CU 012388	CT48481						
22		291		80		CU 012389	CT48482						

